

Bản án số: 43/2022/DS-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Trần Phúc

Bà Nguyễn Thị Kim L

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phan Thị Ngọc Ng (Nh), sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 636, đường ĐT781, Tổ 2, ấp Suối M, xã Thái B, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Dương Đức K, sinh năm 1985 theo văn bản ủy quyền ngày 18/11/2021 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Bình H, xã Thái B, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh

Bị đơn: chị Võ Thị Thùy L, sinh năm 1983 (có mặt)

Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1958 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 418, ấp Nam Bến S, xã Thành L, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn anh Dương Đức K trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên chị Phan Thị Ngọc Ng, tên thường gọi là Nh có cho chị Võ Thị Thùy L vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 23/12/2018 vay số tiền 290.000.000 đồng.
- Ngày 27/12/2018 vay số tiền 250.000.000 đồng
- Ngày 02/02/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 03/02/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vay là 740.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 5%/tháng, thời hạn là 10-15 ngày.

Ngoài ra, khoảng năm 2019 chị Phan Thị Ngọc Ng còn cho chị L vay thêm số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận góp trong vòng 60 ngày, mỗi ngày 1.100.000 đồng cho đến khi hết nợ, chị L đã góp được 20 ngày số tiền là 22.000.000 đồng. Chị Ng xác định số tiền 22.000.000 đồng đã góp sẽ trừ vào tiền gốc và còn nợ lại tiền gốc là 38.000.000 đồng. Khoản vay này hai bên chỉ nói miệng, không làm biên nhận.

Sau khi vay, chị L trả được 32.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể:

- Khoản vay 290.000.000 đồng trả lãi được 1 tháng là 14.500.000 đồng;
- Khoản vay 250.000.000 đồng trả lãi được 1 tháng là 12.500.000 đồng;
- Khoản vay 100.000.000 đồng ngày 02/02/2019 trả lãi được 1 tháng là 5.000.000 đồng.

Ngày 25/02/2019 mẹ chị L là bà Trần Thị Ng đến gặp chị Phan Thị Ngọc Ng để nhận bảo lãnh cho toàn bộ số tiền vay của chị L. Biên nhận ngày 25/02/2019 nội dung là do chị Ng viết, bà Trần Thị Ng đọc và ký tên vào. Trong biên nhận có ghi cả số tiền 60.000.000 đồng nhưng ghi là góp hui. Chị Ng xác định chỉ là cách ghi, thực tế không phải tiền hui mà là tiền góp theo ngày, chị L đã góp được đến nay là 22 lần, còn lại 38 lần. Kể từ khi bảo lãnh, bà Ng trả được số tiền 100.000.000 đồng gốc thì ngưng.

Trong đơn khởi kiện, chị Ng yêu cầu chị L và bà Ng cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay gốc là 684.000.000 đồng. Nay chị Ng xác định lại khoản tiền gốc chưa trả là: (290.000.000 đồng + 250.000.000 đồng + 100.000.000 đồng + 100.000.000 đồng + 38.000.000 đồng) - 100.000.000 đồng = 678.000.000 đồng.

Chị L đồng ý tính lại tiền lãi 32.000.000 đồng đã nhận theo lãi suất quy định của pháp luật trong thời hạn 1 tháng, phần tiền còn dư trừ vào số tiền gốc 678.000.000 đồng, cụ thể:

- Lãi suất theo quy định pháp luật của khoản vay 290.000.000 đồng từ ngày 23/12/2018 đến ngày 23/01/2019 là: $290.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}/12 = 4.834.300 \text{ đồng}$.

- Lãi suất theo quy định pháp luật của khoản vay 250.000.000 đồng từ ngày 27/12/2018 đến ngày 27/01/2019 là: $250.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}/12 = 4.167.500 \text{ đồng}$.

- Lãi suất theo quy định pháp luật của khoản vay 100.000.000 đồng từ ngày 02/02/2019 đến ngày 02/3/2019 là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}/12 = 1.667.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi theo quy định pháp luật trong thời hạn 01 tháng là: $4.834.300 \text{ đồng} + 4.167.500 \text{ đồng} + 1.667.000 \text{ đồng} = 10.668.800 \text{ đồng}$.

Số tiền được khấu trừ vào nợ gốc là: $32.000.000 \text{ đồng} - 10.668.800 \text{ đồng} = 21.332.000 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền nợ gốc yêu cầu trả là 656.668.000 đồng.

Tại phiên tòa, do hoàn cảnh chị L và bà Ng đang khó khăn, nên anh đồng ý giảm bớt tiền gốc, chỉ yêu cầu chị L và bà Ng liên đới trả số nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 10/5/2019 đến ngày xét xử là 03 năm (chỉ tính lãi trong hạn, không yêu cầu tính lãi quá hạn). Chị Ng không yêu cầu chồng của chị L cùng có trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, chị Võ Thị Thùy L trình bày:

Chị thừa nhận có nợ chị Phan Thị Ngọc Ng, tên gọi ở nhà là Như các khoản vay như đại diện của chị Ng đã trình bày. Chị đồng ý trả cho chị Ng số tiền gốc là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với số tiền lãi chị không đồng ý trả mà xin lãi vì chị đã đóng lãi rất nhiều cho chị Ng, không phải lãi suất 5%/tháng mà là 1.000.000 đồng thì đóng lãi từ 3.000 đồng – 5.000 đồng/ngày, tương đương 9%-15%/tháng. Việc đóng lãi không có biên nhận, không có giấy tờ giao nhận tiền lãi.

Ngoài ra, chị vay tiền của chị Ng để làm ăn. Mẹ chị không biết việc làm ăn của chị. Khi chị đổ nợ bỏ nhà đi, mẹ chị mới tìm gặp chị Ng năn nỉ lãnh nợ, xin trả dần để cho chị yên tâm về nhà. Nên chị không đồng ý để mẹ chị cùng liên đới trả nợ mà do một mình chị nhận trách nhiệm này. Chị cũng không yêu cầu chồng cùng

có trách nhiệm trả nợ.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị Ng trình bày.

Bà là mẹ ruột của chị Võ Thị Thùy L. Khi con bà làm ăn thua lỗ nợ tiền chị Phan Thị Ngọc Ng thì bà có đến gặp chị Ng để chốt lại các khoản nợ của chị L. Bà thừa nhận chữ ký trong Biên nhận ngày 25/02/2019 là chữ ký của bà, bà ký tên nhưng không đọc nội dung. Tuy nhiên, mục đích bà ký tên vào Biên nhận là để lãnh nợ cho con bà được trả nợ từ từ. Sau khi ký tên vào biên nhận, bà có trả cho chị Ng được số tiền là 150.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ ký nhận.

Bà không có liên quan đến việc vay mượn giữa chị Ng và chị L nên không đồng ý cùng chị L trả nợ. Còn số tiền nợ là bao nhiêu thì bà không có ý kiến, do chị L nợ thì chị L quyết định.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: áp dụng Điều 288, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Ng và chị L liên đới trả cho chị Ng số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 10/5/2019 đến ngày xét xử là 03 năm. Ghi nhận chị Ng, chị L không yêu cầu chồng chị L cùng có trách nhiệm trả nợ. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc Ng, lời khai của đương sự và chứng cứ trong vụ án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị Ng và chị Võ Thị Thùy L cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Phan Thị Ngọc Ng vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền, các đương sự còn lại có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3.1] Chị Ng cung cấp 04 Giấy cam kết vay tiền ngày 23/12/2018, ngày 27/12/2018, ngày 02/02/2019, ngày 03/02/2019 và 01 Biên nhận ngày 25/02/2019 với nội dung bà Trần Thị Ng có lãnh số tiền của chị L mượn là 740.000.000 đồng và tiền góp ngày 1.100.000 đồng còn lại 40 ngày, thỏa thuận trả trước 100.000.000 đồng, số tiền còn lại trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng. Chị L thừa nhận có nợ các khoản vay như trên, bà Ng thừa nhận có ký tên vào biên nhận, do hoàn cảnh khó khăn không trả nợ đúng hạn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc vay tiền giữa chị Ng và chị L là có thật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Chị L chưa trả tiền cho chị Ng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận của các bên nên chị Ng có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3.2] Xác định số nợ gốc:

Chị Ng xác định số tiền 740.000.000 đồng là chưa trả nợ gốc. Số tiền 60.000.000 đồng góp được 22 lần, còn lại 38 lần, xác định 22 lần góp tính trừ vào nợ gốc. Bà Ng trình bày đã trả được số tiền 150.000.000 đồng, tuy nhiên chị Ng chỉ thừa nhận có nhận số tiền 100.000.000 đồng. Bà Ng không có chứng cứ chứng minh nên xác định số tiền đã trả chỉ có 100.000.000 đồng. Như vậy, các khoản tiền gốc chưa trả là: $(740.000.000 \text{ đồng} + 38.000.000 \text{ đồng}) - 100.000.000 \text{ đồng} = 678.000.000 \text{ đồng}$.

Chị Ng đã nhận tiền lãi do chị L trả là 32.000.000 đồng. Chị Ng đồng ý tính lại lãi suất quy định của pháp luật trong thời hạn 1 tháng, phần tiền còn dư trừ vào số tiền gốc 678.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật, như vậy:

- Lãi suất theo quy định pháp luật của khoản vay 290.000.000 đồng từ ngày 23/12/2018 đến ngày 23/01/2018 là: $290.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm/12 = 4.834.300 \text{ đồng}$.

- Lãi suất theo quy định pháp luật của khoản vay 250.000.000 đồng từ ngày 27/12/2018 đến ngày 27/01/2018 là: $250.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm/12 = 4.167.500 \text{ đồng}$.

- Lãi suất theo quy định pháp luật của khoản vay 100.000.000 đồng từ ngày 02/02/2019 đến ngày 02/3/2019 là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm/12 = 1.667.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi theo quy định pháp luật trong thời hạn 01 tháng là: $4.834.300 \text{ đồng} + 4.167.500 \text{ đồng} + 1.667.000 \text{ đồng} = 10.668.800 \text{ đồng}$.

Số tiền được khấu trừ vào nợ gốc là: $32.000.000 \text{ đồng} - 10.668.800 \text{ đồng} = 21.332.000 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền nợ còn lại là 656.668.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền gốc 600.000.000 đồng, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp các giấy nợ đã cung cấp, có lợi cho bị đơn vì đã chủ động giảm tiền nợ. Mặt khác, chị L cũng nhận nợ và đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3] Xác định lãi suất:

Các bên xác định các khoản vay có tính lãi. Chị Ng xác định lãi suất 5%/tháng, chị L trình bày lãi suất từ 9 – 15%/tháng, giấy nợ không thể hiện lãi suất nên thuộc trường hợp không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi thì lãi suất được xác định là 10%/năm theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Chị Ng yêu cầu trả tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 10/5/2019 đến ngày xét xử là 03 năm (chỉ tính lãi trong hạn, không yêu cầu tính lãi quá hạn) là phù hợp với quy định trên, có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận, xác định lãi suất phải trả như sau: $600.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 3 \text{ năm} = 180.000.000 \text{ đồng}$.

Chị L không cung cấp chứng cứ về việc đã trả lãi nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[3.4] Xác định trách nhiệm trả nợ: biên nhận nợ ngày 25/02/2019 có chữ ký của bà Trần Thị Ng, được bà Ng thừa nhận chữ ký là đúng. Nội dung biên nhận là

“lãnh số tiền của L mượn”. Tại phiên tòa, chị L thừa nhận có biết việc bà Ng lãnh nợ cho mình. Như vậy, việc bà Ng ký tên vào Biên nhận ngày 25/02/2019 là trường hợp bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 335 của Bộ luật dân sự 2015. Do chị L không trả nợ nên bà Ng phải có trách nhiệm.

[3.5] Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Võ Thị Thùy L và bà Trần Thị Ng có trách nhiệm liên đới trả cho chị Phan Thị Ngọc Ng số tiền tổng cộng là 780.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 180.000.000 đồng. Ghi nhận chị Ng, chị L không yêu cầu chồng chị L cùng có trách nhiệm trả nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Bà Trần Thị Ng và chị Võ Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 780.000.000 đồng là 35.200.000 đồng.

Chị Phan Thị Ngọc Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 15.680.000 đồng theo biên lai thu số 0016891 ngày 05/11/2021 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 335, 463, 466, 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị Phan Thị Ngọc Ng đối với chị Võ Thị Thùy L và bà Trần Thị Ng.

Buộc chị Võ Thị Thùy L và bà Trần Thị Ng có trách nhiệm liên đới trả cho chị Phan Thị Ngọc Ng số tiền tổng cộng là 780.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 180.000.000 đồng. Ghi nhận chị Ng, chị L không yêu cầu chồng chị L cùng có trách nhiệm trả nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Võ Thị Thùy L và bà Trần Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.200.000 đồng.

Chị Phan Thị Ngọc Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 15.680.000 đồng theo biên lai thu số 0016891 ngày 05/11/2021 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu

